

Số: 18 /CNĐKCN-BXD

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2024

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN**

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường, Bộ Xây dựng chứng nhận:

1. Tên tổ chức đã đăng ký:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KHẢO SÁT KIỂM ĐỊNH**  
**XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN**

Địa chỉ đăng ký kinh doanh: 195/22 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM, Việt Nam.

Địa chỉ liên lạc: Số 30 đường số 2, KP4, P. Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM, Việt Nam.

Điện thoại: 028 629 36553

E-mail: kiemdinhtuongson@tsesc.vn

**Đã đăng ký hoạt động chứng nhận đối với ngành xây dựng trong lĩnh vực chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tại Phụ lục kèm theo.**

2. Số đăng ký: 69/CN/BXD

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

**TL. BỘ TRƯỞNG**

**KT. VỤ TRƯỞNG**

**VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

**PHÓ VỤ TRƯỞNG**

**Nơi nhận:**

- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Kiểm định Xây dựng Trường Sơn;
- Bộ KH&CN (đề b/c);
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.



**Nguyễn Quang Minh**

**PHỤ LỤC**  
**LĨNH VỰC CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN/QUY CHUẨN**  
*(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 18 /CNĐKCN-BXD, ngày 17/01/2024*  
*của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

Stt	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn/Quy chuẩn kỹ thuật (*)
<b>I</b>	<b>Xi măng, phụ gia cho xi măng và bê tông</b>	
1.	Xi măng poóc lăng	TCVN 2682:2020; QCVN 16:2023/BXD
2.	Xi măng poóc lăng hỗn hợp	TCVN 6260:2020; QCVN 16:2023/BXD
3.	Xi măng poóc lăng bền sun phat	TCVN 6067:2018; QCVN 16:2023/BXD
4.	Thạch cao Phospho dùng để sản xuất xi măng	TCVN 11833:2017; QCVN 16:2023/BXD
5.	Xi hạt lò cao dùng để sản xuất xi măng	TCVN 4315:2007; QCVN 16:2023/BXD
6.	Xi hạt lò cao nghiền mịn dùng cho bê tông và vữa	TCVN 11586:2016; QCVN 16:2023/BXD
7.	Phụ gia hoạt tính tro bay dùng cho bê tông, vữa xây và xi măng	TCVN 10302:2014; QCVN 16:2023/BXD
<b>II</b>	<b>Cốt liệu xây dựng</b>	
1.	Cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023/BXD
2.	Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa	TCVN 7570:2006; QCVN 16:2023/BXD
<b>III</b>	<b>Vật liệu ốp lát</b>	
1.	Gạch gốm ốp lát	TCVN 13113:2020 (ISO 13006:2018); QCVN 16:2023/BXD
2.	Đá ốp, lát tự nhiên	TCVN 4732:2016; QCVN 16:2023/BXD
3.	Đá ốp lát nhân tạo trên cơ sở chất kết dính hữu cơ	TCVN 8057:2009; QCVN 16:2023/BXD
4.	Gạch bê tông tự chèn	TCVN 6476:1999; QCVN 16:2023/BXD
<b>IV</b>	<b>Vật liệu xây</b>	
1.	Gạch rỗng đất sét nung	TCVN 1450:2009; QCVN 16:2023/BXD
2.	Gạch đặc đất sét nung	TCVN 1451:1998; QCVN 16:2023/BXD
3.	Gạch bê tông	TCVN 6477:2016; QCVN 16:2023/BXD
4.	Bê tông và Sản phẩm bê tông khí chung áp	TCVN 7959:2017; QCVN 16:2023/BXD
5.	Tấm tường rỗng bê tông đúc sẵn theo công nghệ đùn ép	TCVN 11524:2016; QCVN 16:2023/BXD
6.	Tấm tường nhẹ ba lớp xen kẹp	TCVN 12302:2018; QCVN 16:2023/BXD
7.	Tấm tường bê tông khí chung áp cốt thép	TCVN 12867:2020; QCVN 16:2023/BXD
<b>V</b>	<b>Vật liệu lợp</b>	
1.	Tấm sóng amiăng xi măng	TCVN 4434:2000; QCVN 16:2023/BXD
2.	Ngói đất sét nung và phụ kiện	TCVN 1452:2023; QCVN 16:2023/BXD
3.	Ngói gốm tráng men	TCVN 9133: 2011; QCVN 16:2023/BXD
4.	Ngói bê tông và phụ kiện	TCVN 1453:2023; QCVN 16:2023/BXD
<b>VI</b>	<b>Thiết bị vệ sinh</b>	
1.	Chậu rửa	TCVN 12648:2020; QCVN 16:2023/BXD
2.	Bồn Tiểu nam - treo tường	TCVN 12651:2020; QCVN 16:2023/BXD
3.	Bồn Tiểu nữ	TCVN 12652:2020; QCVN 16:2023/BXD
4.	Bệ xí bệt và bộ bệ xí bệt có bể nước tích hợp	TCVN 12649:2020; QCVN 16:2023/BXD
<b>VII</b>	<b>Kính xây dựng</b>	
1.	Kính nổi	TCVN 7218:2018; QCVN 16:2023/BXD
2.	Kính phẳng tôi nhiệt	TCVN 7455: 2013; QCVN 16:2023/BXD
3.	Kính màu hấp thụ nhiệt	TCVN 7529:2005; QCVN 16:2023/BXD
4.	Kính phủ phản quang	TCVN 7528:2005; QCVN 16:2023/BXD
5.	Kính phủ bức xạ thấp (Low E)	TCVN 9808:2013; EN 1096-1:2012; QCVN 16:2023/BXD
6.	Kính dán nhiều lớp, Kính dán an toàn nhiều lớp	TCVN 7364-1,2,3,5,6:2018; QCVN 16:2023/BXD
7.	Kính hộp gắn kín cách nhiệt	TCVN 8260:2009; QCVN 16:2023/BXD

Stt	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn/Quy chuẩn kỹ thuật (*)
<b>VIII</b>	<b>Vật liệu trang trí và hoàn thiện</b>	
1.	Vật liệu dán tường dạng cuộn - Giấy dán tường hoàn thiện, vật liệu dán tường vinyl và vật liệu dán tường bằng chất dẻo	TCVN 11896:2017 (EN 233:2016); QCVN 16:2023/BXD-
2.	Sơn tường dạng nhũ tương	TCVN 8652:2020; QCVN 16:2023/BXD
3.	Tấm tường thạch cao	TCVN 8256:2022; QCVN 16:2023/BXD
4.	Panel thạch cao cốt sợi	TCVN 13560:2022; QCVN 16:2023/BXD
5.	Ván gỗ nhân tạo - Ván sợi - Ván MDF	TCVN 7753:2007; QCVN 16:2023/BXD
6.	Ván gỗ nhân tạo - Ván dăm	TCVN 12362:2018 (ISO 16893:2016); QCVN 16:2023/BXD-
7.	Ván gỗ nhân tạo - Gỗ dán - Ván ghép từ thanh dầy và ván ghép từ thanh trung bình	TCVN 11205:2015 (ISO 13609:2014); QCVN 16:2023/BXD
<b>IX</b>	<b>Các sản phẩm ống cấp thoát nước</b>	
1.	Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) bằng PVC dùng cho hệ thống cấp nước thoát nước trong điều kiện có áp suất	TCVN 8491-2:2011 (ISO 1452-2:2009); TCVN 8491-3:2011 (ISO 1452-3:2009); ISO 15877-2:2009; QCVN 16:2023/BXD
2.	Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) bằng PE dùng cho hệ thống cấp nước, thoát nước trong điều kiện có áp suất	ISO 15875-2:2003; ISO 22391-2:2009; QCVN 16:2023/BXD
3.	Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) bằng PP dùng cho hệ thống cấp nước, thoát nước trong điều kiện có áp suất	TCVN 10097-2:2013 (ISO 15874-2:2013); TCVN 10097-3:2013 (ISO 15874-3:2013); QCVN 16:2023/BXD
4.	Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) bằng nhựa nhiệt rắn gia cường bằng sợi thủy tinh (GRP) trên cơ sở nhựa polyeste không no (UP)	TCVN 9562:2017 (ISO 10639:2017); QCVN 16:2023/BXD
5.	Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) bằng gang dẻo và các mối nối dùng cho các công trình dẫn nước	TCVN 10177:2013 (ISO 2531:2009); QCVN 16:2023/BXD-
<b>X</b>	<b>Các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng khác</b>	
1.	Hệ thống thang cáp và máng cáp bằng sắt hoặc thép sử dụng trong lắp đặt điện của công trình	TCVN 10688:2015 (IEC 61537:2006); QCVN 16:2023/BXD
2.	Amiăng crizotin để sản xuất tấm sóng amiăng xi măng	TCVN 9188:2012; QCVN 16:2023/BXD
3.	Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) dùng để bảo vệ và lắp đặt dây dẫn điện trong nhà	TCVN 7417-1:2010 (IEC 61386-1:2008); QCVN 16:2023/BXD

**Ghi chú (\*):** Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn/quy chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn/quy chuẩn mới tương ứng.